| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:70/2019/DS-ST
Ngày 04 tháng 7 năm 2019
V/v tranh chấp: Đòi lại tài sản

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Công

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Việt Thắng; Ông Nguyễn Trường Hận.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp Đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1983 (có mặt).
Địa chỉ: Khóm 6B, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau
Chỗ ở: Khóm 6A, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Ông Bùi Minh P, sinh năm 1981 (vắng mặt).
Bà Điệp Kiều N, sinh năm 1974 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Khóm 6A, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2019 cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Trước đây vợ chồng ông Bùi Minh P và bà Điệp Kiều N có nợ bà khoản tiền thu mua hải sản là 100.000.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông P và bà N đã bỏ trốn khỏi địa phương. Khi phát hiện bà đã làm đơn yêu cầu gửi đến Phòng Cảnh sát điều tra (PC44) Công an tỉnh Cà Mau để giải quyết.

Đến ngày 25/5/2017, tại buổi làm việc có sự chứng kiến của đại diện Phòng Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau, ông Bùi Minh P đã lập tờ cam kết trả khoản nợ cho bà theo thỏa thuận, ông P chia làm 03 lần trả nợ cụ thể:

Ngày 25/5/2017, ông P trả 30.000.000 đồng. Ngày 25/8/2017, ông P trả 20.000.000 đồng. Khoản tiền còn lại đến ngày 30/02/2019, ông P trả 50.000.000 đồng là dứt điểm.

Ông P và bà N chỉ trả được cho bà 02 lần số tiền 50.000.000 đồng. Phần còn lại 50.000.000 đồng ông P và bà N không thực hiện. Bà đã nhiều lần liên hệ nhưng phía ông P và bà N cố tình lẫn tránh đến nay không trả.

Nay bà yêu cầu ông Bùi Minh P và bà Điệp Kiều N có nghĩa vụ trả cho bà 50.000.000 đồng như đã thỏa thuận theo tờ cam kết, lãi suất bà không yêu cầu.

*Đối với bị đơn ông Bùi Minh P và bà Điệp Kiều N*: Tòa án đã tống đạt (niêm yết) hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 138/TB-TLVA và thông báo về phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 82/TB-TA cùng ngày 24/4/2019, nhưng ông P, bà N không có ý kiến bằng văn bản hay phản tố gì gửi tòa án; sau đó Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai số 97 ngày 09/5/2019 nhưng ông P và bà N đều vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không thể mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được và ông P, bà N cũng không có ý kiến gì đến chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- *Về thời hiệu khởi kiện*: Căn cứ tờ cam kết đã ký giữa bà Trần Thị T với ông Bùi Minh P vào ngày 25/5/2017 nhưng đến nay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị T số tiền còn lại 50.000.000 đồng nên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà T. Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn đảm bảo.

- *Về thẩm quyền*: Ông Bùi Minh P, bà Điệp Kiều N có nơi cư trú tại khóm 6A, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là "Đòi lại tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Liên quan đến số tiền mua bán hải sản theo tờ cam kết ngày 25/5/2017, mà ông P, bà N còn nợ 50.000.000 đồng nên bà T khởi kiện yêu cầu ông P, bà N thanh toán số tiền nêu trên. Như vậy, quan hệ tranh chấp là tranh chấp Đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 và Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

- *Về tư cách đương sự*: Bà Trần Thị T là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự bà T là nguyên đơn, ông P, bà N là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Bùi Minh P, bà Điệp Kiều N vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xét xử vắng mặt ông P, bà N.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Theo bà T trình bày, vào ngày 25/5/2017, giữa bà và ông N có làm tờ cam kết tại Phòng cảnh sát điều tra (PC44) Công an tỉnh Cà Mau. Ông P đồng ý trả khoản nợ mua bán hải sản cho bà theo thỏa thuận, ông P chia làm 03 lần trả nợ cụ thể: Ngày 25/5/2017, ông P trả 30.000.000 đồng. Ngày 25/8/2017, ông P trả 20.000.000 đồng và ngày 30/02/2019, ông P trả 50.000.000 đồng. Nhưng ông P chỉ trả được 50.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng, ông P và bà N cố tình lẫn tránh đến nay không trả.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P, bà N trả cho bà số tiền nợ mua bán hải sản 50.000.000 đồng, còn lãi suất bà không yêu cầu. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử bà T có cung cấp cho Tòa án tờ cam kết do ông Bùi Minh P viết vào ngày 25/5/2017, tại Công an tỉnh Cà Mau thể hiện qua đơn yêu cầu của bà T; thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm số 40/TB-PC44 ngày 21/5/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau.

Xét, sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P, bà N không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào Điều 93 và khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Buộc ông Bùi Minh P và bà Điệp Kiều N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch; bà Trần Thị T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 166 và Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1**. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc Bùi Minh P và bà Điệp Kiều N trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 50.000.000 đồng (*Bằng chữ: Nam mười triệu đồng*).

*Kể từ ngày bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Bùi Minh P và bà Điệp Kiều N không thi hành xong khoản tiền trên, ông Bùi Minh P và bà*

*Điệp Kiều N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.*

**2**. Về án phí: Buộc ông Bùi Minh P và bà Điệp Kiều N phải nộp số tiền 2.500.000 đồng (chưa nộp); bà Trần Thị T được nhận lại số tiền 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0002997 ngày 22/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

**3**. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

**Lê Chí Công**

\